

Số: **2555**/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **23** tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-BYT ngày 05/6/2020 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Đắk Lắk thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 182/TTr-SYT ngày 14/8/2020 về việc đề nghị ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, các hội, đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế, Tổng cục DS-KHHGD (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử của tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Lưu: VT, KGVX (Th.30b).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

H'Yim Kđoh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 25/10/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD), sức khỏe sinh sản (SKSS) thời gian qua được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng và nhà nước thông qua ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị, Chiến lược, Chương trình hành động và đầu tư nguồn lực. Các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể từ Trung ương đến địa phương đã xây dựng và trực tiếp chỉ đạo thực hiện với các hình thức khác nhau để triển khai cho phù hợp với đặc điểm mỗi ngành, địa phương. Mặc dù công tác dân số đã đạt được những thành tựu quan trọng góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: Tốc độ tăng dân số đã được khống chế, nhận thức hành động của xã hội được nâng lên rõ rệt, lãnh đạo đảng, chính quyền các cấp đã coi trọng và trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, phối kết hợp của các tổ chức, ban ngành, đoàn thể và sự tham gia hưởng ứng của toàn xã hội. Tuy nhiên, tỉnh Đắk Lắk có mức sinh cao so với mặt bằng chung của cả nước, số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ năm 2015: 2,22 con/phụ nữ; năm 2017 giảm 2,19 con/phụ nữ; năm 2019 tăng 2,37 con/phụ nữ, biến động tăng giảm khó kiểm soát, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên duy trì mức 1,1%. Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ cao, tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại còn thấp và không ổn định. Quy mô dân số lớn, mật độ dân số cao và vẫn tiếp tục tăng, thực trạng mức sinh vẫn là thách thức lớn của công tác dân số và nâng cao chất lượng dân số. Di cư tự do diễn ra trên phạm vi cả tỉnh, chất lượng dân số thấp, nhiều vấn đề sức khỏe sinh sản chưa được giải quyết. Mục tiêu của Chiến lược đề ra là đạt mức sinh thay thế và duy trì ổn định quy mô dân số đối với tỉnh trong giai đoạn vừa qua chưa thực hiện được. Bên cạnh đó mức sinh vẫn còn chênh lệch đáng kể giữa các vùng nông thôn, thành thị, vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Thực hiện Quyết định số 2324/QĐ-BYT ngày 05/6/2020 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030; căn cứ Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Đắk Lắk thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Để điều chỉnh mức sinh, đưa mức sinh đạt mức sinh thay thế, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh giai đoạn 2021-2025 với các nội dung cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng

- Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ
- Lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp, tổ chức; người có uy tín, người đứng đầu tổ chức tại cộng đồng, tôn giáo, dòng họ, cá nhân có liên quan.

2. Thời gian và phạm vi thực hiện

a) Phạm vi: Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh

b) Thời gian: Từ năm 2021 đến năm 2025

- Giai đoạn 1: Từ năm 2021-2022

Tiếp tục thực hiện các mục tiêu của Chiến lược Dân số Việt Nam tập trung giải quyết vấn đề quy mô dân số mà thực chất là giảm mức sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên nhằm đạt được mức sinh thay thế, từng bước ổn định quy mô dân số bền vững, nâng cao chất lượng dân số góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2023-2025, mở rộng, triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện Chương trình.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện sơ kết giữa kỳ, mở rộng các đề án, mô hình can thiệp; triển khai toàn diện các giải pháp, nhiệm vụ nếu đã đạt được mức sinh thay thế, ổn định mức sinh, đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

Duy trì mức giảm sinh hàng năm và đạt mức sinh thay thế bền vững tiến tới ổn định quy mô dân số, phân bố dân số phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đáp ứng đầy đủ, kịp thời dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD; cải thiện tình trạng SKSS các vùng trọng điểm.

2. Chỉ tiêu đến năm 2025

a) Duy trì mức giảm sinh nhằm đạt mức sinh thay thế và ổn định, đáp ứng đầy đủ nhu cầu kế hoạch hóa gia đình của người dân.

- Chỉ tiêu 1: Tổng tỷ suất sinh (số con bình quân của một cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ) đạt mức 2,1 con và duy trì bền vững.

- Chỉ tiêu 2: Quy mô dân số không quá 2 triệu người.

b) Đáp ứng nhu cầu của mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

- Chỉ tiêu 3: Tăng tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại mới mỗi năm 1% phần đầu đạt tỷ lệ sử dụng 75% và duy trì tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai.

III. NHIỆM VỤ, CÁC GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của chính quyền các cấp

Tổ chức quán triệt các Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và chương trình hành động của Chính phủ, của tỉnh về công tác dân số trong tình hình mới đến các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở, để bảo đảm thống nhất nhận thức, hành động, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của toàn xã hội để thực hiện có hiệu quả và đưa công tác dân số thành một nội dung trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ban hành các Nghị quyết, Kế hoạch, Chương trình hàng năm để cụ thể hóa các mục tiêu giảm mức sinh để đạt mức sinh thay thế và duy trì vững chắc mức sinh thay thế phù hợp với tình hình thực tiễn của các cấp, các ngành, địa phương. Thực hiện lồng ghép các yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội sẽ mang lại hiệu quả cao trong việc sử dụng nguồn lực và góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển của địa phương.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ phận trong ngành, giữa các ngành, đoàn thể các cấp, phân rõ quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan dân số để đảm bảo tính thống nhất và tập trung trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động của chương trình Dân số.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động chuyển đổi hành vi

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Chương trình số 25-CTr/TU ngày 06/02/2018 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác Dân số trong tình hình mới tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Đắk Lắk thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

Xây dựng phóng sự, chuyên trang, chuyên mục trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Lắk, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và các đài truyền thanh truyền hình của các huyện, thị xã, thành phố, trên mạng internet...

b) Phát triển hệ thống thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền vận động cho từng khu vực có mức sinh khác nhau ưu tiên tập trung truyền thông sâu rộng những vấn đề nổi cộm trong công tác dân số của địa phương: Kết hôn sớm, tảo hôn, sinh con thứ 3 trở lên, sức khỏe sinh sản phụ nữ vùng khó khăn...

- Xây dựng hệ thống thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền, vận động để giảm sinh nhằm đạt mức sinh thay thế với khẩu hiệu “Dừng ở hai con để nuôi, dạy cho tốt”, đối tượng tuyên truyền, vận động chủ yếu là các cặp vợ chồng đã sinh hai con và có ý định sinh thêm con.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con, bảo đảm quyền, trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao, tập trung vận động không kết hôn và sinh con sớm, không sinh quá dày và không sinh nhiều con. Vận động thanh niên

thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, truyền thông giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên trong và ngoài nhà trường tạo điều kiện cho người chưa thành niên biết và có thái độ đúng đắn về dân số, kế hoạch hoá gia đình, sức khỏe sinh sản.

- Lựa chọn, xây dựng thông điệp truyền thông phù hợp với đặc thù tình hình thực tế của địa phương, từng vùng, từng nhóm đối tượng.

c) Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với các hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục phù hợp với văn hóa, tập quán, từng nhóm đối tượng và từng vùng mức sinh.

- Nâng cao hiệu quả truyền thông trực tiếp thông qua lồng ghép với hoạt động của các cấp, các ngành, sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hóa...Đưa nội dung dân số vào hương ước, quy ước; tiêu chuẩn thôn, bản, tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa.

- Xây dựng các mô hình truyền thông các vùng trọng điểm, vùng khó tiếp cận phù hợp với địa phương.

- Cung cấp trang thiết bị truyền thông, sản phẩm truyền thông và tài liệu chuyên đề; tăng cường các sản phẩm đặc thù từng vùng miền, vùng dân tộc ít người.

- Tận dụng triệt để thế mạnh của công nghệ truyền thông hiện đại, internet, mạng xã hội... trong truyền thông giáo dục về dân số.

- Chiến dịch truyền thông Dân số và lồng ghép cung cấp dịch vụ KHHGD đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng mức sinh cao.

d) Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục đảm bảo trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; mỗi gia đình nên có hai con vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

đ) Thí điểm triển khai, mở rộng thực hiện chương trình giáo dục bắt buộc trước khi kết hôn đối với thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn.

3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ

- Tổ chức rà soát, đánh giá tác động của các quy định có liên quan đến việc thực hiện mục tiêu giảm sinh, duy trì mức sinh thay thế; đề xuất sửa đổi các quy định không còn phù hợp với công tác dân số trong tình hình mới.

- Có chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người ở vùng đặc biệt khó khăn, đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ cơ bản KHHGD; chính sách hỗ trợ thực hiện dịch vụ KHHGD, bao gồm phương tiện tránh thai; bồi dưỡng, hỗ trợ người thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, người vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình và chi phí dịch vụ KHHGD. Khuyến khích các cặp vợ chồng, gia đình, tập thể, cộng đồng không sinh con thứ 3 trở lên và sinh đủ hai con.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình

a) Phổ cập dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn.

- Kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ Dân số. Đào tạo, tập huấn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế để đảm bảo đáp ứng được các dịch vụ về dân số cho nhân dân.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD đảm bảo việc tiếp tục sử dụng và tăng số người sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại, giảm tỷ lệ nạo hút thai.

- Tổ chức các đội cung cấp dịch vụ lưu động đến những vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng trọng điểm... thông qua Chiến dịch truyền thông dân số lồng ghép cung cấp dịch vụ KHHGD đảm bảo đầy đủ, an toàn, chất lượng.

- Đảm bảo đủ phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD miễn phí cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách, đối tượng thuộc xã đặc biệt khó khăn và vùng mức sinh cao.

- Đẩy mạnh tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai và xây dựng các Mô hình, Đề án xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ tránh thai nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng biện pháp tránh thai của người dân để hoàn thành các chỉ tiêu về KHHGD.

- Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng (website, facebook, zalo...).

b) Xây dựng và triển khai các loại hình phòng tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên tại cộng đồng.

- Xây dựng và phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên, thanh niên, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước khi kết hôn...

- Thí điểm mô hình phòng, tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên thông qua các chương trình giáo dục, can thiệp tại cộng đồng.

- Củng cố và phát triển mạng lưới sàng lọc vô sinh.

- Thí điểm mô hình xã hội hóa dịch vụ dự phòng, sàng lọc vô sinh, ung thư đường sinh sản tại cộng đồng cho nhóm dân số trẻ đáp ứng nhu cầu và khả năng chi trả của người dân.

c) Đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới: Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp; tư vấn, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc suy giảm chất lượng nòi giống.

5. Các nhiệm vụ khác:

a) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng:

- Cập nhật kiến thức mới, tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ công tác viên dân số đảm bảo thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện sinh đủ hai con và tham gia cung cấp một số dịch vụ tới tận hộ gia đình.

- Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng lồng ghép các nội dung điều chỉnh mức sinh vào nhiệm vụ, hoạt động của các ngành, đơn vị.

b) Nghiên cứu khoa học và hệ thống quản lý:

- Thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ về quy mô dân số và mức sinh trong mối quan hệ qua lại với phát triển kinh tế - xã hội nhằm điều chỉnh phù hợp mức sinh từng giai đoạn của địa phương.

- Xây dựng hệ thống thông tin, số liệu dân số đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời tình hình và dự báo dân số phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng, thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý xã hội.

- Tiếp tục ổn định đội ngũ làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất. Duy trì đội ngũ công tác viên dân số là những người được nhân dân tín nhiệm, làm việc trên tinh thần tình nguyện vì cộng đồng ở thôn, xóm, bản, làng, tổ dân phố, cơ sở sản xuất. Xây dựng, tham mưu ban hành chính sách đãi ngộ phù hợp về vật chất, tinh thần cho đội ngũ này.

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá:

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số của các địa phương, đơn vị. Lấy kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về dân số là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp ủy, chính quyền các cấp. Mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu gương mẫu trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

- Hàng năm, giao Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, tổ chức tìm hiểu học tập các mô hình hoạt động hiệu quả trong nước, phát động thi đua thực hiện tốt các mục tiêu của dân số và phát triển qua đó phát hiện các nhân tố điển hình về thực hiện chính sách dân số trong tỉnh đề nghị khen thưởng và nhân rộng; các Sở, Ban, ngành, đơn vị, địa phương tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch vào cuối năm và báo cáo kết quả về Sở Y tế để tổng hợp theo dõi và báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế theo đúng quy định.

Sơ kết, tổng kết hàng năm và giai đoạn 5 năm từ đó đánh giá những mặt đạt được, những mặt tồn tại cần khắc phục, tìm ra nguyên nhân và giải pháp bổ sung cho nhiệm vụ năm sau.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nhu cầu kinh phí dự kiến: 11.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ đồng)

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác dân số theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ được giao thực hiện có hiệu quả; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; chỉ đạo lồng ghép các yếu tố dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, địa phương; lãnh đạo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động của ngành, địa phương thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số.

1. Sở Y tế

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã và thành phố xây dựng kế hoạch hoạt động thực hiện các chương trình, mục tiêu hàng năm, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong cùng thời kỳ.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các ngành liên quan đánh giá thực trạng chất lượng dân số của tỉnh; Sở Tư pháp, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về dân số.

- Chủ trì phối hợp với Cục Thống kê và các ngành chức năng tổ chức kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch, các chính sách pháp luật liên quan, kiểm tra định kỳ, hàng năm, theo chuyên đề và đột xuất để có thông tin kịp thời, toàn diện, chính xác các chỉ số dân số.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan xây dựng cơ chế, giải pháp huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, đội ngũ làm dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình ở cơ sở, có kế hoạch nâng cấp, bổ sung trang thiết bị y tế, đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ làm dịch vụ Y tế về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình. Đề xuất các chương trình, dự án có sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh.

- Hướng dẫn, phối hợp kiểm tra giám sát và tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo UBND tỉnh; tổ chức sơ kết và tổng kết kết quả thực hiện.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở Kế hoạch được phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện có hiệu quả Chương trình điều chỉnh mức sinh trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tham mưu lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm; tham mưu phân bổ kế hoạch đầu tư cho các dự án về dân số trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án về thông tin, tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin theo định hướng của kế hoạch.

Chỉ đạo các cơ quan báo chí địa phương, Trung ương đóng trên địa bàn, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện, Đài Truyền thanh cấp xã đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác dân số trên địa bàn

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với các ngành liên quan tổ chức triển khai phát huy lợi thế giai đoạn cơ cấu dân số vàng; hướng dẫn nội dung giáo dục về giới, dân số, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, bảo trợ xã hội, người cao tuổi, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và xóa đói giảm nghèo...Lồng ghép các chương trình mục tiêu, chỉ tiêu dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế xây dựng nội dung giáo dục về DS-KHHGD/SKSS vị thành niên - thanh niên; xây dựng mạng lưới truyền thông giáo dục, tư vấn và chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

7. Cục Thống kê

Phối hợp với các ngành liên quan chỉ đạo việc thu thập, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các số liệu dân số và phát triển cho các cơ quan quản lý, quy hoạch, lập kế hoạch hàng năm.

8. Các Sở, ngành, cơ quan thuộc tỉnh khác chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và Sở, ngành liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ đã được giao.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố

Căn cứ vào Kế hoạch của UBND tỉnh để xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện hàng năm, 5 năm phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương; đồng thời, chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn xây dựng chương trình, kế hoạch về dân số trong giai đoạn mới; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục thực hiện Pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình, vận động xóa bỏ hủ tục, tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình tại địa phương.

Tích cực huy động nguồn lực và khai thác lợi thế của từng địa phương; tổ chức thực hiện các hoạt động theo nội dung chương trình, đề án, dự án của dân số và phát triển cho phù hợp và hiệu quả.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể liên quan

Tham gia triển khai thực hiện tốt Kế hoạch của tỉnh về thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, sự chỉ đạo của Nhà nước; vận động các tầng lớp nhân dân đặc biệt phối hợp với các chức sắc tôn giáo vận động đồng bào có đạo tham gia thực hiện chính sách dân số và phát triển, mỗi gia đình nên sinh đủ 02 con để nuôi dạy cho tốt.

Căn cứ Kế hoạch triển khai thực hiện từng giai đoạn các ngành, đoàn thể liên quan xây dựng kế hoạch lồng ghép nội dung về dân số và phát triển vào các hoạt động thường xuyên hàng năm, 5 năm của ngành, đơn vị mình để tổ chức thực hiện; tham gia tổ chức triển khai Kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong tổ chức mình; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và giám sát việc thực hiện pháp luật về dân số.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Định kỳ 6 tháng, hằng năm, các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Y tế) để tổng hợp báo cáo Bộ Y tế và các Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Y tế để phối hợp giải quyết./.